TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT** **TỈNH BÌNH DƯƠNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 67/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 31/8/2020
V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THỦ DẦU MỘT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Hiệp;

2. Bà Nguyễn Thị Hồng Thanh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Cẩm Thơ - *Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.*

- Đại diện viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tham gia phiên tòa: Bà Lưu Kim Hằng – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 267/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 6 năm 2020 về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 65/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyen Thi Thu Ng, sinh năm 1963; địa chỉ: Số A, đường L, Khu phố D, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có đơn xin xét xử vắng mặt;

- Bị đơn: Ông Đăng Minh H, sinh năm 1962; địa chỉ: Số Số A, đường L, Khu phố D, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 02/6/2020, nguyên đơn bà Nguyen Thi Thu Ng trình bày:

Bà Nguyen Thi Thu Ng và ông Đăng Minh H kết hôn năm 1992, có đăng ký kết hôn năm 1993 tại UBND phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Sau khi kết hôn bà Ng và ông H sống hạnh phúc, vợ chồng chăm lo làm ăn và lo cho các con. Khoảng 04 năm nay, bà Ng và ông H bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ vấn đề kinh tế, ông H tính toán chi li trong mọi vấn đề, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thống nhất với nhau trong việc giải quyết các vấn đề phát sinh trong gia đình nhất là các vấn đề có liên quan đến kinh tế. Đến năm 2019, nhận thấy ông H không còn tôn trọng bà Ng, vợ chồng không còn tình cảm, hôn nhân không hạnh phúc nên bà và ông H quyết định ly thân. Hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không

có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà Ng yêu cầu được ly hôn với ông Đăng Minh H.

Về con chung: Bà Nguyen Thi Thu Ng và ông Đăng Minh H có 02 con chung là Đăng Nguyen Nhu M1, sinh năm 1994 và Đăng Nguyen Khanh M2, sinh năm 1997. Hiện nay các con chung đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà Ng không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 31/8/2020, bị đơn ông Đăng Minh H trình bày: Ông H và bà Nguyen Thi Thu Ng kết hôn năm 1993, theo giấy chứng nhận đăng ký kết hôn tại xã A, T, tỉnh Bình Dương. Nay vợ chồng mâu thuẫn, bà Ng làm đơn ly hôn thì ông H đồng ý ly hôn với bà Ng. Về con chung: ông H và bà Ng có 02 con chung là Đăng Nguyen Nhu M1, sinh năm 1994 và Đăng Nguyen Khanh M2, sinh năm 1997; các con chung đã đủ 18 tuổi nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn bà Nguyen Thi Thu Ng có đơn xin giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn ông Đăng Minh H trình bày: Ông Đăng Minh H đồng ý ly hôn với bà Nguyen Thi Thu Ng. Về con chung, tài sản chung, nợ chung: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu:

+ Về tuân theo pháp luật tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành tố tụng đúng quy định của pháp luật, nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình theo quy định pháp luật, bị đơn ông Đăng Minh H chưa thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ tố tụng. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đầy đủ thẩm quyền theo quy định đối với những người tiến hành tố tụng. Do nguyên đơn có đơn xin giải quyết vắng mặt nên Hội đồng xét xử xét xử vắng mặt nguyên đơn là đúng theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Kiểm sát viên không kiến nghị khắc phục gì thêm.

+ Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 của Luật hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] *Về quan hệ pháp luật*: Ngày 02/6/2020, bà Nguyen Thi Thu Ng có đơn khởi kiện về việc xin ly hôn với ông Đăng Minh H nên đây là vụ án "*Ly hôn*" theo quy định tại Điều 51, Điều 53 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2]. *Về thẩm quyền*: Bị đơn ông Đăng Minh H sinh sống và có đăng ký hộ khẩu thường trú tại phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35 và Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

[1.3] *Về việc tham gia phiên tòa của đương sự*: Nguyên đơn bà Nguyen Thi Thu Ng có đơn đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Thủ Dầu Một tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn bà Nguyen Thi Thu Ng.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyen Thi Thu Ng và ông Đăng Minh H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn vào năm 1993 tại UBND phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương, theo Giấy chứng nhận kết hôn số 62, ngày 17 tháng 11 năm 1993 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Ng và ông H là hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ theo quy định tại Điều 6 và Điều 7 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 1986.

Bà Ng trình bày sau khi kết hôn bà và ông H sống với nhau hạnh phúc nhưng khoảng 04 năm nay, bà Ng và ông H bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xuất phát từ vấn đề kinh tế, vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không thống nhất với nhau trong việc giải quyết các vấn đề phát sinh trong gia đình nhất là các vấn đề có liên quan đến kinh tế. Đến năm 2019, vợ chồng không còn tình cảm, hôn nhân không hạnh phúc nên bà Ng và ông H quyết định ly thân. Bà Ng xác định hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên bà yêu cầu được ly hôn với ông Đăng Minh H. Xét thấy, bà Ng và ông H đã ly thân từ năm 2019 nhưng không hàn gắn được. Qua xác minh tại địa phương nơi bà Ng và ông H sinh sống thể hiện "quá trình chung sống bà Ng và ông H chưa lần nào gấy mất trật tự tại địa phương. Tuy nhiên, nhiều năm nay giữa bà Ng và ông H có xảy ra mâu thuẫn, có xô xát địa phương có đến nhà động viên hòa giải nhưng không thành". Mặc khác, tại phiên tòa ông H đồng ý ly hôn với bà Ng.

Như vậy, có đủ cơ sở khẳng định, hôn nhân giữa bà Ng và ông H đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ng về việc ly hôn với ông H.

[2.2] Về con chung: Bà Nguyen Thi Thu Ng và ông Đăng Minh H có 02 con chung là Đăng Nguyen Nhu M1, sinh năm 1994 và Đăng Nguyen Khanh M2, sinh năm 1997. Hiện nay các con chung đã đủ 18 tuổi, các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Xét thấy, quan điểm giải quyết vụ án của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thủ Dầu Một là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

[4] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bà Nguyen Thi Thu Ng phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng); ông Đăng Minh H không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Khoản 4 Điều 147, Khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 57 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyen Thi Thu Ng đối với ông Đăng Minh H về việc ly hôn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyen Thi Thu Ng được ly hôn đối với ông Đăng Minh H.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, giấy chứng nhận kết hôn số 62, ngày 17/11/1993 của UBND phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương cấp cho ông Đăng Minh H và bà Nguyen Thi Thu Ng không còn giá trị pháp lý.

- Về con chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

2. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Bà Nguyen Thi Thu Ng phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2016/0050026 ngày 12/6/2020 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND phường P;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Vũ Thị Nga

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thủ Dầu Một;
- CCTHADS Tp. Thủ Dầu Một;
- UBND phường Chánh Nghĩa;
- Đương sự;
- Lưu: HSVA, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị Hồng Phương

Các hội thẩm nhân dân **Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa**

Võ Hùng Dương **Nguyễn Văn Hiệp** **Phạm Thị Hồng Phương**